

QUỐC HỘI
Số: Không số

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 14 tháng 7 năm 1960

LUẬT

TỔ CHỨC TOÀ ÁN NHÂN DÂN

Căn cứ vào Điều 98, chương VIII của Hiến pháp nước Việt Nam dân chủ cộng hoà, luật này quy định tổ chức các Toà án nhân dân.

CHƯƠNG I

NGUYÊN TẮC CHUNG

Điều 1

Các Toà án nhân dân là những cơ quan xét xử của nước Việt Nam dân chủ cộng hoà.

Toà án nhân dân xét xử những vụ án hình sự và dân sự để trừng trị những kẻ phạm tội và giải quyết những việc tranh chấp về dân sự trong nhân dân.

Mục đích của việc xét xử là bảo vệ chế độ dân chủ nhân dân, trật tự xã hội, tài sản công cộng và quyền lợi hợp pháp của nhân dân, góp phần bảo đảm cho công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và sự nghiệp đấu tranh nhằm thực hiện thống nhất nước nhà được tiến hành thắng lợi.

Trong mọi hoạt động của mình, Toà án nhân dân giáo dục công dân trung thành với Tổ quốc, với chế độ dân chủ nhân dân, tôn trọng tài sản công cộng, tự giác tuân theo pháp luật, kỷ luật lao động và quy tắc sinh hoạt xã hội.

Toà án nhân dân xử phạt về hình sự không những chỉ trừng trị phạm nhân mà còn nhằm giáo dục và cải tạo họ.

Điều 2

Các Toà án nhân dân gồm có:

- Toà án nhân dân tối cao,

- Các Toà án nhân dân địa phương,

- Các Toà án quân sự.

Các Toà án nhân dân địa phương gồm có: Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương hoặc đơn vị hành chính tương đương, Toà án nhân dân huyện, thành phố thuộc tỉnh, thị xã hoặc đơn vị hành chính tương đương, Toà án nhân dân ở các khu vực tự trị.

ở các khu vực tự trị, tổ chức các Toà án nhân dân địa phương sẽ do Hội đồng nhân dân khu vực tự trị quy định, căn cứ vào điều 95 của Hiến pháp và những nguyên tắc tổ chức Toà án nhân dân định trong luật này.

Tổ chức các Toà án quân sự sẽ do Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định riêng, căn cứ vào những nguyên tắc tổ chức Toà án nhân dân định trong luật này.

Điều 3

Toà án nhân dân xét xử theo nguyên tắc mọi công dân đều bình đẳng trước pháp luật, không phân biệt nam nữ, dân tộc, nòi giống, tôn giáo, tín ngưỡng, địa vị xã hội và thành phần xã hội.

Điều 4

Khi xét xử, Toà án nhân dân có quyền độc lập và chỉ tuân theo pháp luật.

Điều 5

Các Toà án nhân dân thực hành chế độ thẩm phán bầu.

Điều 6

Việc xét xử tại các Toà án nhân dân đều công khai, trừ trường hợp đặc biệt mà Toà án nhân dân xét thấy cần xử kín để giữ gìn bí mật Nhà nước hoặc giữ gìn đạo đức xã hội.

Điều 7

Quyền bào chữa của bị cáo được bảo đảm.

Ngoài việc tự bào chữa ra, bị cáo có thể nhờ luật sư bào chữa cho mình. Bị cáo cũng có thể nhờ người công dân được đoàn thể nhân dân giới thiệu hoặc được Toà án nhân dân chấp nhận bào chữa cho mình. Khi cần thiết, Toà án nhân dân chỉ định người bào chữa cho bị cáo.

Điều 8

Toà án nhân dân bảo đảm cho công dân thuộc các dân tộc thiểu số có quyền dùng tiếng nói, chữ viết của dân tộc mình trước toà án. Khi cần thiết, Toà án nhân dân phải chỉ định người phiên dịch để bảo đảm thực hiện quyền đó.

Điều 9

Toà án nhân dân thực hành chế độ hai cấp xét xử.

Đương sự có quyền chống bản án hoặc quyết định của Toà án nhân dân sơ thẩm lên Toà án nhân dân trên một cấp.

Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp và trên một cấp có quyền kháng nghị bản án hoặc quyết định sơ thẩm của Toà án nhân dân.

Nếu đương sự không chống án hoặc Viện kiểm sát nhân dân không kháng nghị trong thời hạn do pháp luật quy định thì bản án hoặc quyết định sơ thẩm của Toà án nhân dân địa phương sẽ có hiệu lực pháp luật.

Bản án và quyết định phúc thẩm của các Toà án nhân dân, bản án và quyết định sơ thẩm của Toà án nhân dân tối cao đều là chung thẩm và có hiệu lực pháp luật.

Các bản án tử hình phải được Hội đồng toàn thể thẩm phán của Toà án nhân dân tối cao duyệt lại trước khi thi hành. Phải có hai phần ba tổng số thẩm phán của Toà án nhân dân tối cao tham dự phiên họp của Hội đồng và quá nửa tổng số thẩm phán tán thành thì quyết nghị của Hội đồng mới có giá trị.

Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao có quyền tham dự phiên họp của Hội đồng toàn thể thẩm phán của Toà án nhân dân tối cao. Nếu Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao không đồng ý với quyết nghị của Hội đồng toàn thể thẩm phán Toà án nhân dân tối cao thì báo cáo lên Ủy ban thường vụ Quốc hội xét.

Điều 10

Những bản án và quyết định đã có hiệu lực pháp luật, nếu pháp hiện có sai lầm thì được xét lại.

Đối với những bản án và quyết định của các Toà án nhân dân địa phương đã có hiệu lực pháp luật nhưng phát hiện có sai lầm thì Toà án nhân dân tối cao có quyền xét lại hoặc giao cho Toà án nhân dân cấp dưới xét lại.

Đối với những bản án và quyết định của Toà án nhân dân tối cao đã có hiệu lực pháp luật, nếu phát hiện có sai lầm thì Chánh án Toà án nhân dân tối cao đưa ra Ủy ban thẩm phán Toà án nhân dân tối cao xét định.

Đối với những bản án và quyết định đã có hiệu lực pháp luật của toà án mình hoặc của toà án cấp dưới, nếu phát hiện có sai lầm thì Toà án nhân dân địa phương có quyền nêu lên để Toà án nhân dân tối cao xét định.

Điều 11

Khi sơ thẩm, Toà án nhân dân có hội thẩm nhân dân tham gia. Hội thẩm nhân dân do nhân dân bầu ra. Khi xét xử, hội thẩm nhân dân ngang quyền với thẩm phán.

Điều 12

Toà án nhân dân thực hành chế độ xét xử tập thể và quyết định theo đa số.

Khi sơ thẩm, Toà án nhân dân gồm một thẩm phán và hai hội thẩm nhân dân; trường hợp xử những vụ án nhỏ, giản đơn và không quan trọng thì Toà án nhân dân có thể xử không có hội thẩm nhân dân.

Khi phúc thẩm những bản án, những quyết định bị chống án hoặc bị kháng nghị, và khi xét lại những bản án, những quyết định đã có hiệu lực pháp luật nhưng phát hiện có sai lầm thì Toà án nhân dân địa phương phải có ba thẩm phán. Trong trường hợp đặc biệt có thể có thêm hội thẩm nhân dân.

Khi phúc thẩm những bản án, những quyết định bị chống án hoặc bị kháng nghị, và khi xét lại những bản án, những quyết định đã có hiệu lực pháp luật nhưng phát hiện có sai lầm, thì Toà án nhân dân tối cao gồm ba hoặc năm thẩm phán.

Chánh án Toà án nhân dân chủ tọa phiên tòa, hoặc chỉ định một thẩm phán chủ tọa phiên tòa.

Điều 13

Tại Toà án nhân dân tối cao, các Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương hoặc đơn vị hành chính tương đương, Toà án nhân dân khu tự trị, đều lập ra Ủy ban thẩm phán có nhiệm vụ tổng kết kinh nghiệm xét xử, thảo luận những vụ án quan trọng hoặc phức tạp và những vấn đề liên quan đến công tác xét xử.

Ủy ban thẩm phán gồm có Chánh án, Phó chánh án và một số thẩm phán, Chánh án điều khiển phiên họp của Ủy ban thẩm phán. Ủy ban thẩm phán quyết định theo đa số.

Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp có quyền tham dự phiên họp của Ủy ban thẩm phán.

Điều 14